



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 03/2023

MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	2
1. <i>Thông tin khái quát</i>	2
2. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	2
3. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i> ..	3
4. <i>Định hướng phát triển</i>	3
5. <i>Các rủi ro</i>	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	5
1. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	5
2. <i>Tổ chức và nhân sự</i>	5
3. <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i>	7
4. <i>Tình hình tài chính</i>	8
5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	9
6. <i>Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty</i>	11
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	14
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	14
2. <i>Tình hình tài chính</i>	18
3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i>	20
4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	20
5. <i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i>	23
6. <i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty</i>	23
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	23
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	23
2. <i>Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty</i>	24
3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	25
V. Quản trị Công ty	26
1. <i>Hội đồng quản trị</i>	26
2. <i>Ban kiểm soát</i>	34
3. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát</i>	38
VI. Báo cáo tài chính	40
1. <i>Ý kiến kiểm toán</i>	40
2. <i>Báo cáo tài chính được kiểm toán</i>	42

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cát Lợi.
 - Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
 - Vốn điều lệ: 262.075.830.000 VND.
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 262.075.830.000 VND.
 - Địa chỉ: 934 D2 Đường D, Khu CN Cát Lái (Cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp Thủ Đức, Tp HCM.
 - Số điện thoại: 028.37421118
 - Số fax: 028.37420923
 - Website: www.catloi.com.vn
 - Mã cổ phiếu: CLC
 - Quá trình hình thành và phát triển:
 - ➡ Công ty Cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 vào ngày 10/12/2021 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
 - ➡ Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.
- #### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Ngành nghề kinh doanh: In bao bì, sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các Công ty sản xuất thuốc lá điếu trong cả nước từ Bắc tới Nam và xuất khẩu.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Giám đốc.
- Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng Tài chính kế toán.
- Phòng Kế hoạch vật tư.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Kỹ thuật.
- Kho.
- Phân Xưởng in.
- Phân Xưởng Cây đầu lọc.

c. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Phát triển bền vững, giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của cán bộ, công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng;
- Sản phẩm của Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh, được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất nhằm giảm sự tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sập, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị sản xuất đầu lọc Capsules, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Lựa chọn các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như mua bán, sát nhập doanh nghiệp, liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các Công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững.

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường; tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp;
- Tham gia các chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội, cộng đồng.

5. Các rủi ro

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng không tốt, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc điếu và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty;
- Tình hình quan hệ giữa Nga và Ukraine nói riêng, cũng như quan hệ giữa Nga với các nước phương tây và Mỹ nói chung đang diễn ra căng

thăng ảnh hưởng đến tình hình kinh tế thế giới, qua đó ảnh hưởng đến nguồn cung cũng như giá nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh (%)	
				TH-2022/ TH-2021	TH-2022/ KH-2022
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	2.150.049	2.015.000	2.314.853	107,67	114,88
2. Lợi nhuận trước thuế	178.169	150.000	175.941	98,75	117,29
3. Lợi nhuận sau thuế	142.200	120.000	140.450	98,77	117,04

Ghi chú: Số liệu năm 2021 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của KTNN.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2022 đạt 2.315 tỷ đồng tương ứng 114,88% so với kế hoạch năm và đạt 107,67% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 140,45 tỷ đồng tương ứng 117,04% so với kế hoạch năm và đạt 98,77% so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Nguyễn Hoàng Minh	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	12/10/1980
+ Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	6.710 CP, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

<p>2. Ông Võ Đình Văn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính: Nam + Ngày tháng năm sinh: 01/01/1975 + Nơi sinh: Cà Mau + Quốc tịch: Việt Nam + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Điện tử, Thạc sỹ Kỹ thuật. + Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/02/2022). + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không. + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu: 3.938 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ. 	
<p>3. Ông Liêu Phước Tính</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới tính: Nam + Ngày tháng năm sinh: 20/10/1985 + Nơi sinh: Trà Vinh + Quốc tịch: Việt Nam + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế. + Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng. + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không. + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu: 39 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ. 	

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Từ 01/01/2022 Ông Nguyễn Đức Hạnh thôi giữ chức Phó Giám Đốc Công ty;
- Từ 01/02/2022 Ông Võ Đình Văn được bổ nhiệm làm Phó Giám Đốc Công ty;
- Ngày 10/11/2022 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã ra Nghị quyết số 682/NQ-CPCL thông qua việc bổ nhiệm lại đối với Ông Liêu Phước Tính, Kế toán trưởng Công ty. Thời hạn bổ nhiệm 5 năm, kể từ ngày 01/01/2023.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2022 (người)
1. Trên đại học (Thạc sỹ)	4
2. Đại học	78
3. Cao đẳng	15
4. Trung cấp	44
5. Trung học dạy nghề	71
6. Lao động phổ thông	92
Tổng cộng:	304

- Công ty đã áp dụng Quy chế Phân phối tiền lương, thù lao; Quy chế Phân phối tiền thưởng để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định, mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến,... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện, hoàn thành dự án đầu tư chuyển tiếp từ năm 2020 và đưa vào hoạt động, dự án “Đầu tư 02 máy sản xuất cây dầu lọc, tốc độ 500 mét/ phút, mới 100%”. Hai thiết bị mới đã chính thức được đưa vào sản xuất, góp phần thúc đẩy gia tăng sản lượng, cải thiện năng suất, đáp ứng nhu cầu của các đơn vị khách hàng chiến lược của Công ty.

- Nhằm tiếp tục đổi mới Công nghệ máy móc thiết bị, thay thế các thiết bị cũ đáp ứng nhu cầu sản xuất trong tương lai, Hội đồng quản trị đã phê duyệt dự án “Đầu tư 01 máy in ống đồng 12 màu, tích hợp 02 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/ phút, mới 100%”. Dự kiến các thiết bị mới này sẽ được lắp đặt và đưa vào sử dụng vào năm 2024.

- Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính
a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
+ Tổng giá trị tài sản	1.058.642.469.313	1.385.113.013.339	30,84
+ Doanh thu thuần	2.142.096.427.823	2.304.869.186.924	7,60
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	177.404.439.543	174.699.199.680	(1,52)
+ Lợi nhuận khác	764.904.292	1.241.387.556	62,29
+ Lợi nhuận trước thuế	178.169.343.835	175.940.587.236	(1,25)
+ Lợi nhuận sau thuế	142.199.568.750	140.450.356.519	(1,23)
+ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	55,29%	46,65%	

Ghi chú: Số liệu năm 2021 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của KTNN.

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện 2021 là 30%/vốn điều lệ (gồm 20% cổ tức đợt cuối năm 2020; 10% tạm ứng cổ tức năm 2021), Cổ tức thực hiện năm 2022 là 25%/vốn điều lệ (25% cổ tức đợt cuối năm 2021).

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Mã số 100/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	3,66	2,47	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Mã số (100-140)/310) Bảng cân đối kế toán	"	0,98	0,58	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	26,25	39,24	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	"	35,59	64,57	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				

+ Vòng quay Hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,76	2,25	
+ Vòng quay Tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	"	2,17	1,89	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,64	6,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	"	18,21	16,69	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	"	13,43	10,14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	"	8,28	7,58	

Ghi chú: Số liệu năm 2021 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của KTNN.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của Công ty đạt 2,47 lần và lớn hơn 1 cho thấy Công ty vẫn đáp ứng tốt khả năng thanh toán ngắn hạn.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần năm 2022 đạt 7,58%.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần tại 31/12/2022:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	26.207.583 cổ phiếu.
+ Cổ phiếu phổ thông:	26.207.583 cổ phiếu.
+ Cổ phiếu ưu đãi, khác:	- cổ phiếu.
+ Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do:	26.207.583 cổ phiếu.
+ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	- cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 24/02/2023:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	745	25.573.822	97,58
1	Cổ đông lớn (> 5%)	2	15.038.620	57,38
2	Công đoàn	1	7.177	0,03
3	Cổ đông khác	742	10.528.025	40,17
	Người nội bộ Công ty	7	213.585	0,81
	Cá nhân	720	9.246.267	35,28
	Tổ chức trong nước	15	1.068.173	4,08
II.	Nước ngoài	81	633.761	2,42
1	Cá nhân	65	176.546	0,67
2	Tổ chức	16	457.215	1,75
	Tổng cộng	826	26.207.583	100,00

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83A Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	13.366.080	51,00%
2	Cty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	1.672.540	6,38%
	Tổng cộng		15.038.620	57,38%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động đến môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phát thải các khí nhà kính (hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC...)
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không sử dụng các thiết bị phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm.

- Trong năm 2022 Công ty sử dụng 29.139 tấn nguyên vật liệu chính để đưa vào sản xuất, trong đó: giấy các loại 17.886 tấn; Sợi tow các loại 7.496 tấn; mực các loại 284 tấn; và các nguyên vật liệu chính khác 3.473 tấn.
- Các nguyên vật liệu được Công ty sử dụng đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện và sử dụng dầu diesel cho một số xe nâng hàng với điện năng tiêu thụ năm 2022 là 9.198.746 KWh và dầu diesel 26.512 lít.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Trong năm 2022 Công ty tiết kiệm được 19.377 kwh điện năng.



c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm 2022	
Nội dung giải pháp	Kết quả tiết kiệm (KWh/năm)
Tăng cường độ chiếu sáng và thay thế các bóng đèn cao áp bằng đèn Led tiết kiệm điện năng.	15.825
Lắp đặt các thiết bị đóng cắt tự động để ngắt nguồn các thiết bị khi không có người sử dụng.	3.552
Tổng cộng	19.377

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Công ty sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.

- Lượng nước trong năm 2022 Công ty đã sử dụng là 17.909 m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 304 người với mức lương vị trí công việc trung bình trong năm 2022 đạt 12.612.178 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Với quan điểm nhân lực là một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành công của Công ty, vì vậy Công ty liên tục thực hiện các giải pháp để cải thiện môi trường làm việc nhằm bảo đảm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động của Công ty.

- Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi cho người lao động như: Lương, thưởng, trợ cấp ốm đau, thai sản, hiếu, hỉ. Thực hiện các loại bảo hiểm theo luật định; Mua bảo hiểm tai nạn 24/24; khám sức khỏe định kỳ; tổ chức bữa ăn giữa ca; chăm lo các chế độ bồi dưỡng bổ sung, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị – xã hội trong Công ty như Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên người lao động; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao, văn nghệ, ...

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2022 Công ty thực hiện đào tạo tại đơn vị và bên ngoài đơn vị với tổng số giờ đào tạo bên ngoài là 1.337 giờ /năm, trung bình thời gian đào tạo dành cho một người là 18,07 giờ. Đối tượng đào tạo gồm cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên và công nhân trực tiếp sản xuất.

- Năm 2022 tình hình dịch Covid-19 từng bước được kiểm soát, tuy nhiên việc học tập trung còn hạn chế, hình thức học trực tuyến vẫn chiếm tỷ trọng cao. Ngoài ra, trong năm 2022 Công ty đã hoàn thiện và chính thức áp dụng Bộ Chương trình đào tạo nội bộ các vị trí công việc.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty tiếp tục duy trì tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng, chuyên môn phù hợp với tình hình, điều kiện hoạt động của Công ty để hỗ trợ người lao động đảm bảo làm việc hiệu quả và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Cũng như hàng năm, Công ty luôn có những chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội.

- Năm 2022, Công ty đã ủng hộ 2,375 tỷ đồng cho các hoạt động công tác xã hội gồm:

✦ Hỗ trợ kinh phí Chương trình “ Sóng và máy tính cho em”

✦ Ủng hộ Quỹ hỗ trợ gia đình liệt sỹ tại tỉnh Nghệ An.

✦ Ủng hộ Quỹ vì người nghèo và kinh phí chăm lo tết Nhâm Dần, Quý Mão (Phường Thạnh Mỹ Lợi, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh).

✦ Ủng hộ kinh phí chăm lo tết Quý Mão 2023 cho Hội người mù TP. Hồ Chí Minh.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh (%)	
				TH-2022/ TH-2021	TH-2022/ KH-2022
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	2.150.049	2.015.000	2.314.853	107,67	114,88
2. Lợi nhuận trước thuế	178.169	150.000	175.941	98,75	117,29
3. Lợi nhuận sau thuế	142.200	120.000	140.450	98,77	117,04
4. Sản lượng tiêu thụ					
+ Cây đầu lọc (Tr.Cây)	17.654	16.500	18.200	103,09	110,30
+ Giấy sếp các loại (Tấn)	2.391	2.200	2.419	101,17	109,95
+ Nhãn in (Tr.Tờ)	2.632	2.450	2.452	93,16	100,08

Ghi chú: Số liệu năm 2021 đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của KTNN.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 đạt kết quả tốt so với kế hoạch, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra, và có sự tăng trưởng về tổng doanh thu, tuy nhiên lợi nhuận giảm so với năm 2021, cụ thể:

⬇️ Tổng doanh thu đạt 114,88% kế hoạch; tăng 7,67% so với thực hiện năm 2021.

⬇️ Lợi nhuận trước thuế đạt 117,29% kế hoạch; giảm 1,25% so với thực hiện năm 2021.

- Năm 2022 là một năm gặp rất nhiều khó khăn, thử thách, sức ép lạm phát, giá xăng, dầu nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp. Ngành thuốc lá nói chung và nội tại Công ty nói riêng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng nêu trên. Tuy vậy với sự quyết tâm và nỗ lực của Ban Giám đốc cùng toàn thể CB-CNV, Công ty đã đạt được những kết quả tương đối tốt trong năm 2022.

- Trong năm 2022, sản lượng tiêu thụ sản phẩm của 03 nhóm sản phẩm cụ thể như sau: sản lượng tiêu thụ của nhóm sản phẩm giấy sập đạt 110%, cây đầu lọc đạt 110,3% so với kế hoạch đề ra và tăng tương đương từ 1% - 3% so với năm 2021. Sản lượng của 02 nhóm sản phẩm trên tăng là do trước tình hình biến động mạnh về giá cả nguyên vật liệu đầu vào đã khiến hầu hết các khách hàng đều tăng lượng tồn kho dự trữ trước mỗi đợt tăng giá. Đối với nhóm sản phẩm nhãn in sản lượng tiêu thụ đạt 100,1% so với kế hoạch và giảm 6,8% so với năm 2021 do trong năm qua khách hàng cân đối hàng tồn kho của một số mặt hàng trước khi chuyển đổi hình ảnh cảnh báo và điều chỉnh sang thiết kế mới.

- Công ty đang tích cực khai thác thị trường nhằm cung cấp thêm các sản phẩm in nội tiêu cho các khách hàng trong nước, đây vẫn là hướng đi chủ yếu của Công ty trong tương lai gần, nhất là khi tình hình bất ổn về kinh tế, chính trị trên thế giới như hiện nay.

- Trong năm 2022, Công ty đã triển khai thêm nhiều mẫu cây đầu lọc than hoạt tính và cũng như đầu lọc capsule cho các đơn vị thuốc lá điều để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm có chất lượng tốt và ít độc hại hơn. Tuy nhiên chủ yếu vẫn là các mẫu sản phẩm cho thị trường xuất khẩu nên sản lượng đầu ra cho thị trường nội tiêu vẫn còn khiêm tốn.

- Sản phẩm CLC có tính cạnh tranh cao về giá cả, chất lượng và tính linh hoạt. Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng, với số lượng đặt hàng của những sản phẩm mới cùng với sự duy trì các mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng tiêu thụ của Công ty ở mức duy trì ổn định. Công ty cũng đã chuẩn bị nguồn lực về máy móc thiết bị, chấp nhận sự cạnh tranh từ các Công ty tư nhân, Công ty nước ngoài ... đáp ứng xu hướng phát triển sản phẩm của ngành thuốc lá trong những năm qua cũng như trong thời gian tới.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

➤ Thuận Lợi:

- Quá trình tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng được kỳ vọng sẽ tạo ra làn sóng hội nhập mạnh mẽ hơn đối với Việt Nam. Đồng thời, góp phần tạo kết nối và hòa nhập, tăng cường khả năng hợp tác với những nền kinh tế trọng điểm, thúc đẩy kích cầu hoạt động giao thương giữa Việt Nam với kinh tế thế giới.

- Việc nới lỏng các biện pháp giãn cách phòng dịch đã giúp tình hình xuất nhập khẩu có dấu hiệu khởi sắc trở lại, tình trạng tắc nghẽn container phần nào được cải thiện.

- Lợi thế về công nghệ, chất lượng sản phẩm, giá cả... cùng với sự trang bị máy móc - thiết bị chuyên dụng hiện đại và đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, Công ty đã phát triển những sản phẩm ở phân khúc thị trường có nhu cầu ngày càng cao, cụ thể như sản xuất đầu lọc than hoạt tính và đầu lọc capsule, các loại đầu lọc này phù hợp với lộ trình giảm Tar và Nicotin đối với sản phẩm thuốc lá... đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn đối với sản phẩm phụ liệu có chất lượng tốt và giảm thiểu độc hại, đồng thời Công ty cũng nắm bắt và tiếp nhận các yêu cầu chuyển đổi hình ảnh cảnh báo sức khỏe cho sản phẩm nội tiêu, triển khai nhanh chóng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng; với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng của Công ty luôn ở mức ổn định và tăng trưởng.

➤ Khó khăn:

- Năm 2022 là một năm gặp rất nhiều khó khăn đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thuốc lá nói riêng. Đầu năm, khi dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp với những biến chủng mới tại các thị trường xuất khẩu của các đơn vị thuốc lá. Bên cạnh đó, chính sách kiểm soát nhập khẩu thuốc lá của các quốc gia trên thế giới ngày càng chặt chẽ, đặc biệt tại thị trường Đông Nam Á – thị trường xuất khẩu chủ lực của các đơn vị sản xuất thuốc lá điều trong nước đã làm ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình tiêu thụ của các đơn vị khách hàng nói chung và của Công ty nói riêng.

- Trong khi đó, thị trường nội tiêu cũng gặp không ít khó khăn khi các chính sách mở cửa nhằm phục hồi thương mại cũng đã khiến tình trạng buôn lậu thuốc lá gia tăng trở lại trong những tháng gần đây, đã phần nào ảnh

hưởng đến sản lượng toàn ngành thuốc lá. Đồng thời, tình hình cạnh tranh trong ngành thuốc lá nội địa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, tiêu dùng phân khúc cận cao cấp vẫn tiếp tục có xu hướng giảm mạnh.

- Xung đột giữa hai quốc gia Nga và Ukraine ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng tới nguồn cung năng lượng, góp phần làm chuỗi cung ứng toàn cầu gián đoạn, đặc biệt một số loại hàng hóa, nguyên liệu sản xuất trở nên khan hiếm dẫn đến nhà cung cấp không có đủ hàng bán, làm cho giá thành nguyên liệu đầu vào tăng cao.

- Đồng thời, giá xăng dầu tăng cao đột biến luôn đạt những mức kỷ lục mới làm ảnh hưởng trực tiếp tới giá của một số mặt hàng, nhất là các mặt hàng vật tư dung môi, hóa chất liên quan đến ngành hóa dầu và chi phí vận chuyển tăng rất cao trong hai quý đầu năm. Từ quý 3 giá xăng dầu có dấu hiệu giảm, do việc áp dụng chính sách bình ổn giá của Chính phủ nhằm giúp người dân thích ứng linh hoạt với dịch bệnh Covid-19, đồng thời hỗ trợ phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, giá xăng dầu vẫn còn nhiều diễn biến khó lường khi mà tình hình chính trị tại Ukraine vẫn trong tình trạng căng thẳng, điều này sẽ tác động lớn đến chi phí vận tải.

- Đặc biệt do động thái điều chỉnh từ chính phủ Mỹ, tỷ giá hối đoái của đồng USD những tháng gần đây tăng cao ảnh hưởng tới quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty khi phần lớn nguyên vật liệu chính đầu vào như tow, giấy in nhãn, giấy sấp... đều được nhập khẩu bằng đồng USD. Ngoài việc phải chịu áp lực của đồng USD, cộng với việc ảnh hưởng từ thiếu hụt nguồn cung toàn cầu, khiến chi phí đầu vào của Công ty phải gánh chịu rất lớn. Hiện tại các doanh nghiệp nhập khẩu trong nước đều đang phải gánh thêm một khoản chi phí năng lượng chia sẻ với đối tác xuất khẩu nước ngoài. Điều này làm cho giá của các nguyên liệu đầu vào liên tục tăng đạt mức kỷ lục trong nhiều năm qua và chưa có dấu hiệu dừng lại.

- Hiện tại Trung Quốc đã bắt đầu triển khai chính sách mở cửa linh hoạt hơn với dịch Covid-19, không còn hạn chế đi lại nữa, qua đó cũng sẽ tạo thêm cơ hội cho các nước có quan hệ mật thiết láng giềng và buôn bán lâu năm với thị trường Trung Quốc như Việt Nam, tuy nhiên đó cũng là thách thức cực kỳ lớn một khi thị trường to lớn khổng lồ như Trung Quốc đồng loạt khởi động trở lại sau thời gian dài ngủ đông, kéo theo sự thu hút đầu tư kinh tế, nguyên vật liệu vật tư... sẽ khiến cho các thị trường kinh tế nhỏ lân cận như Việt Nam bị rơi vào thế bị động, thiếu hụt nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- Lãi suất cho vay trong những tháng gần đây đã có sự biến động và hiện nay các Ngân hàng thương mại đều siết chặt chính sách tín dụng do

Ngân hàng Nhà nước đã giới hạn hạn mức tín dụng gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn. Đặc biệt trong những tháng vừa qua, để đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra thì Công ty cần phải có nguồn vốn xoay vòng sản xuất hàng hóa, trong khi nguồn vốn một phần lớn là vay từ ngân hàng. Việc này sẽ gây nhiều khó khăn trong việc sắp xếp đẩy mạnh hoạt động sản xuất và dự trữ nguyên liệu đầu vào nên Công ty phải cân đối chi phí sản xuất sao cho phù hợp.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.340.989	1.014.618	326.371	32,17
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	24.019	61.972	(37.953)	(61,24)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	259.371	202.818	56.553	27,88
IV. Hàng tồn kho	1.026.571	742.317	284.254	38,29
V. Tài sản ngắn hạn khác	31.028	7.511	23.517	313,10
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	44.124	44.025	99	0,22
I- Các khoản phải thu dài hạn	1.510	1.500	10	0,67
II. Tài sản cố định	37.665	31.853	5.812	18,25
III. Tài sản dở dang dài hạn	11	255	(244)	(95,69)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	4.938	10.417	(5.479)	(52,60)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.385.113	1.058.643	326.470	30,84

Ghi chú: Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của KTNN.

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2022 đạt 1.385,11 tỷ tăng so với đầu năm 2022 là 30,84% tương ứng 326,47 tỷ, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 32,17% tương ứng 326,37 tỷ chủ yếu do:
 - + Hàng tồn kho tăng 38,29% tương ứng 284,25 tỷ do việc dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trước tình hình khan hiếm nguyên vật liệu cũng như việc tăng giá nguyên vật liệu.
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 27,88% tương ứng 56,55 tỷ chủ yếu do các khoản công nợ này chưa đến thu hồi và một số khách hàng đang khó khăn tài chính dẫn đến một số khoản công nợ chưa thu hồi đúng hạn cũng như việc tăng doanh thu bán hàng.
 - + Tài sản ngắn hạn khác tăng 313,10% tương ứng 23,52 tỷ chủ yếu do việc tăng thuế GTGT được khấu trừ và tăng các khoản chi phí chờ phân bổ.
 - + Tiền và tương đương tiền giảm 61,24% tương ứng 37,95 tỷ do Công ty đã thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Tài sản dài hạn tương đương so với đầu năm 2022, trong đó:
 - + Tăng đầu tư TSCĐ mới làm tăng 40,33 tỷ.
 - + Tăng khấu hao TSCĐ năm 2022 làm giảm 34,52 tỷ.
 - + Tài sản dài hạn khác giảm 5,48 tỷ do việc giảm chi phí xuất dùng phụ tùng chờ phân bổ dài hạn.

b. Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	543.472	277.873	265.599	95,58
I. Nợ ngắn hạn	542.966	277.367	265.599	95,76
II. Nợ dài hạn	506	506	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	841.641	780.770	60.871	7,80
I. Vốn chủ sở hữu	841.641	780.770	60.871	7,80
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.385.113	1.058.643	326.470	30,84

Ghi chú: Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của KTNN.

- Nợ phải trả tăng 95,58% tương ứng 265,60 tỷ chủ yếu do:
 - + Nợ phải trả ngắn hạn tăng 95,76% tương ứng 265,60 tỷ trong đó: Nợ vay ngân tăng 145,16% tương ứng 162,23 tỷ do việc bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Phải trả người bán tăng 86,08% tương ứng 95,80 tỷ do việc mua hàng dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất dẫn đến phải trả người bán tăng; Các khoản phải trả, phải nộp khác

tăng 28,64% tương ứng 11,57 tỷ chủ yếu do tăng khoản phải trả người lao động và tăng Quỹ khen thưởng, phúc lợi do việc phân phối lợi nhuận năm 2021.

- + Nợ phải trả dài hạn tương đương so với đầu năm 2022.
- Vốn chủ sở hữu tăng 7,80% tương ứng 60,87 tỷ từ việc tăng lợi nhuận trong năm 2022 và việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.
- Áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách trong Công ty.
- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Nhìn chung, năm 2023 nền kinh tế phải đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp. Ngành thuốc lá nói chung và nội tại Công ty nói riêng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng nêu trên. Căn cứ nhu cầu thị trường hiện tại và xu hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty dự kiến kế hoạch cho năm 2023 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.400.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	140.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	112.000
4	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	120.000
5	Sản lượng:		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (quy đổi)	Triệu cây	17.100
	- Giấy sếp các loại	Tấn	2.300
	- Nhãn in (quy đổi)	Triệu tờ	2.350

- Theo đó, kế hoạch sản lượng tiêu thụ sản phẩm cây đầu lọc là 17.100 triệu cây (giảm 6% so với thực hiện 2022), sản phẩm nhãn in là 2.350

triệu tờ (giảm 4,2% so với thực hiện 2022) và sản phẩm giấy sáp là 2.300 tấn (giảm 4,9% so với thực hiện 2022).

- Kế hoạch sản lượng năm 2023 giảm so với thực hiện năm 2022 nguyên nhân do một số lý do chủ yếu:

✓ Sản lượng tiêu thụ nội tiêu: năm 2022 sản lượng tiêu thụ tăng do giá nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh nên Công ty đã có sự điều chỉnh giá vì vậy các đơn vị thuộc lá chủ động tăng cường lượng hàng dự trữ trước mỗi đợt điều chỉnh. Do đó sản lượng tiêu thụ từ các đơn vị này sẽ giảm trong những tháng đầu năm 2023.

✓ Sản lượng xuất khẩu trực tiếp năm 2022 giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid -19 và sau đó là chiến sự bùng phát tại Châu Âu làm cho sản lượng đặt hàng xuất khẩu của các đối tác bị ảnh hưởng nghiêm trọng, dẫn đến sản lượng đầu ra của Công ty cũng bị ảnh hưởng theo. Với thông tin nhận được từ khách hàng, dự kiến trong năm 2023 khách hàng vẫn sẽ đặt hàng của Công ty nhưng theo yêu cầu thực tế và đồng thời tình hình thị trường vẫn còn nhiều khó khăn.

✓ Mặt khác, các mặt hàng kinh doanh của Công ty cũng đang chịu sự cạnh tranh rất quyết liệt từ các Công ty tư nhân, Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Hiện tại giá cạnh tranh mặt hàng nhãn in của Công ty với các đối thủ này đang diễn ra hết sức gay gắt.

- Nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu đầu vào cũng như nguyên vật liệu trong nước đều biến động mạnh, đặc biệt là các mặt hàng nguyên liệu để sản xuất đầu lọc như acetate tow, giấy ván, triacetin..., đồng thời các mặt hàng nguyên liệu để sản xuất nhãn in như giấy bì, mực in, các loại dung môi ... cũng đều tăng do chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến động của nền kinh tế thế giới. Do đó để giảm bớt một phần gánh nặng khó khăn trong quá trình phục hồi sản xuất kinh doanh, dự kiến giá bán các sản phẩm của Công ty sẽ được điều chỉnh trong năm 2023.

- Chi phí lãi vay: dự báo trong năm 2023 sẽ tiếp tục được điều chỉnh do ảnh hưởng của lạm phát và suy thoái kinh tế, điều này làm ảnh hưởng đến khả năng kinh doanh đối với các đơn vị khách hàng của Cát Lợi dẫn dòng tiền thu hồi nợ chậm, cùng với đó việc đầu tư máy móc thiết bị trong năm 2023 dẫn đến việc cần bổ sung nguồn vốn lưu động, Công ty sẽ phải vay ngắn hạn để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng để tăng tồn kho an toàn trong thời gian nguyên vật liệu khan hiếm và tăng giá liên tục như hiện nay.



Phương hướng và giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2023:

Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức quản lý sản xuất khoa học, hợp lý, nâng cao năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên liệu trong quá trình sản xuất, đồng thời điều chỉnh giá thành sản phẩm hợp lý nhất khi có biến động thị trường.
- Tiếp tục ổn định và duy trì sản lượng đầu ra cung cấp cho các đơn vị thuộc lá điều trong Tổng Công ty. Đồng thời Công ty luôn nỗ lực tăng cường mở rộng thị trường hướng đến các đơn vị thuộc lá điều bên ngoài Tổng Công ty và các đơn vị liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như BAT, Philip Moris, với phương châm luôn tạo niềm tin với tất cả các khách hàng dù lớn hay nhỏ, sự phát triển của khách hàng cũng là sự phát triển của CLC.
- Tiếp tục tập trung vào duy trì và phát triển thị trường nội tiêu, thị trường xuất khẩu đang được khai thác nhưng vẫn rất khó dự đoán chính xác, tuy nhiên Công ty đang nỗ lực đẩy mạnh ở phân khúc này.
- Tiếp tục theo dõi tiến độ công tác đầu tư trang bị máy móc thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất phục vụ thị trường về các dòng sản phẩm mới trong thời gian tới.
- Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào mảng phát triển công nghệ, tạo ra nhiều sản phẩm in có độ khó, ứng dụng các hiệu ứng bắt mắt. Đồng thời, khai thác công nghệ mới đưa ra các sản phẩm đầu lọc thông thoáng, đầu lọc than nhằm góp phần làm giảm nồng độ Tar và Nicotine để hướng đến các sản phẩm đầu ra có chất lượng cao và hướng đến môi trường.
- Máy móc thiết bị: Khai thác hiệu quả máy móc thiết bị hiện có, chú trọng công tác bảo trì bảo dưỡng, đảm bảo đủ năng lực máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Đồng thời không ngừng đẩy mạnh cải tiến, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất thực tiễn, sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Kế hoạch cung ứng vật tư: đàm phán ký kết hợp đồng mua bán nguyên vật liệu dài hạn với số lượng, chất lượng phù hợp và giá cả hợp lý nhất nhằm đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Trước những khó khăn, thách thức nêu trên, với sự chuẩn bị và những lợi thế nội tại, Ban điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty sẽ phấn đấu thực hiện kế hoạch 2023 ở mức cao nhất có thể, nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị giao.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Tình hình tiêu thụ nước thấp hơn năm trước (17.909 m³ năm 2022/ 26.660 m³ năm 2021) do trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty thực hiện mô hình 3 tại chỗ theo chỉ đạo của địa phương trong khoảng 3 tháng, tổ chức cho cán bộ, công nhân viên làm việc, sản xuất và lưu trú tại Công ty nên lượng nước sinh hoạt của năm 2021 cao, năm 2022 Công ty trở lại sản xuất bình thường, quy mô Công ty không có sự thay đổi lớn.

- Tình hình sử dụng năng lượng ổn định, gồm 2 loại: điện năng và dầu diesel. Công ty luôn giám sát và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm tiêu thụ điện năng, tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Các nguồn thải không đổi, được giám sát định kỳ theo đúng chương trình quan trắc đã được phê duyệt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động. Đánh giá hiệu quả công việc qua việc thỏa thuận KPI của vị trí công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn.

- Với cộng đồng địa phương Công ty thực hiện đúng quy định về chất thải của pháp luật môi trường, không gây tiếng ồn cũng như nguồn nước thải đúng tiêu chuẩn quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022, được đánh giá, đề cập tại mục II của báo cáo, cụ thể:

- Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao.

- Về tổ chức nhân sự: Nhân sự Ban điều hành có sự thay đổi được đề cập tại mục II.2, mục V.1.a, mục V.2.a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty ổn định, không có sự biến động nhiều.
- Về tình hình đầu tư: Luôn được Công ty xem xét phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty trong trung và dài hạn. Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước.
- Về tình hình tài chính: Tài chính của Công ty minh bạch và lành mạnh.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.
- Cơ cấu cổ đông: Ít biến động, không có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông lớn.
- Cung cấp thông tin cho cổ đông: Luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường, thực hiện việc quản lý chặt chẽ nguồn vật tư, nguyên liệu sản xuất không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các phế liệu, phế phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất được Công ty phân loại theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có chuyên môn phù hợp với từng loại chất thải để thu hồi và xử lý. Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội hỗ trợ cộng đồng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn về thị trường, giá cả hàng hóa leo thang; chính sách thắt chặt tín dụng làm lãi suất, tỷ giá tăng đột biến..., vượt lên mọi khó khăn, Ban Giám đốc cùng tập thể người lao động đã quyết tâm đồng lòng để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ và HĐQT giao cho;
- Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;
- Tổ chức, giám sát quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất;
- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc, đảm bảo ổn định thu nhập của người lao động. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; Tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty;
- Ứng dụng Hệ thống quản trị tiên tiến về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, từ đó giúp công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hiệu quả;
- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; thực hiện đúng, kịp thời Quy chế về công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, tham dự các cuộc họp...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- HĐQT tiếp tục tuân thủ các mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty được đề cập tại Mục I.4 của báo cáo để thực hiện.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Ban Giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra đồng thời Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát công ty trong việc sau:
 - + Triển khai hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - + Tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định nội bộ. Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách;
 - + Nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới để tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường sản phẩm.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu quản trị theo thông lệ quản trị tiên tiến và phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty để phát triển Công ty bền vững nhằm nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của người lao động Công ty hàng năm tăng trưởng.
- Thực hiện việc tái cấu trúc nguồn lực Công ty để phù hợp với từng giai đoạn phát triển.
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm của các Công ty sản xuất thuốc lá. Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn.
- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư... tại các vùng miền khác nhau để phát triển.
- Đặc biệt thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Châu Tuấn + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Nam 13/01/1964 Thái Nguyên Việt Nam Đại học. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hòa Việt; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty

<p>+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:</p>	<p>TNHH SX-KD Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.</p>
<p>2. Ông Nguyễn Hoàng Minh</p>	<p>Như trên (Thông tin như phần II.2.a)</p>
<p>3. Ông Nguyễn Đức Hanh</p> <p>+ Giới tính:</p> <p>+ Ngày tháng năm sinh:</p> <p>+ Nơi sinh:</p> <p>+ Quốc tịch:</p> <p>+ Trình độ chuyên môn:</p> <p>+ Chức vụ công tác tại Công ty:</p> <p>+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</p> <p>+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:</p>	<p>Nam</p> <p>01/01/1974</p> <p>TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Việt Nam</p> <p>Kỹ sư Chế tạo máy, Cử nhân Quản lý Công nghiệp.</p> <p>Ủy viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Không.</p> <p>22.830 CP, chiếm 0,09% vốn điều lệ.</p>
<p>4. Bà Lê Diễm Anh</p> <p>+ Giới tính:</p> <p>+ Ngày tháng năm sinh:</p> <p>+ Nơi sinh:</p> <p>+ Quốc tịch:</p> <p>+ Trình độ chuyên môn:</p> <p>+ Chức vụ công tác tại Công ty:</p> <p>+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</p> <p>+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:</p>	<p>Nữ</p> <p>28/06/1979</p> <p>Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Việt Nam</p> <p>Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Hóa Thực phẩm.</p> <p>Ủy viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Sài Gòn.</p> <p>0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.</p>
<p>5. Ông Đỗ Ngọc Quang</p> <p>+ Giới tính:</p> <p>+ Ngày tháng năm sinh:</p> <p>+ Nơi sinh:</p> <p>+ Quốc tịch:</p> <p>+ Trình độ chuyên môn:</p> <p>+ Chức vụ công tác tại Công ty:</p> <p>+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</p>	<p>Nam</p> <p>18/08/1973</p> <p>Phú Thọ</p> <p>Việt Nam</p> <p>Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Quản lý xã hội.</p> <p>Ủy viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 26/05/2022).</p> <p>Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long;</p>

+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Chủ tịch Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
6. Ông Lê Thành Trung	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	05/11/1975
+ Nơi sinh:	Nam Định
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 26/05/2022).
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26/05/2022 đã bầu Ông Đỗ Ngọc Quang thay thế Ông Lê Thành Trung vào Hội đồng quản trị Công ty.

- Cổ phiếu đại diện sở hữu:

+ Ông Châu Tuấn đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 8.124.480 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hoàng Minh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Đức Hanh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Bà Lê Diễm Anh đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn số lượng 1.672.540 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

+ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 03 thành viên: Ông Châu Tuấn, Bà Lê Diễm Anh và Ông Đỗ Ngọc Quang.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 02 thành viên: Ông Nguyễn Hoàng Minh, Ông Nguyễn Đức Hanh.

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Đỗ Ngọc Quang.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và giám sát hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung chỉ đạo, giám sát và hoàn thành các công việc sau:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;...
- Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.
- Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với cổ đông gồm: công bố thông tin cho cổ đông, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Ngoài ra, HĐQT còn chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc tuân thủ các quy định về chính sách pháp luật, bảo vệ môi trường; quan tâm đến đời sống, thu nhập, phúc lợi, môi trường làm việc của người lao động; khuyến khích, ủng hộ Công ty tài trợ kinh phí cho các hoạt động xã hội, cộng đồng.
- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành 9 cuộc họp (bao gồm xin ý kiến bằng văn bản) và ban hành 14 Nghị quyết sau:

Stt.	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung
1	62/NQ-CPCL	25/01/2022	Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh; Thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế Công bố thông tin của Công ty; Thông qua việc xếp lương vị trí

			<p>công việc đối với Ông Nguyễn Đức Hanh, TV HĐQT chuyên trách; Thông qua việc bổ nhiệm Ông Võ Đình Văn, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/02/2022; Thông qua quyết toán chi phí thị trường năm 2021; Thông qua quyết toán chi phí thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới năm 2021; Thông qua quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2021; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 4 năm 2021 và kế hoạch hoạt động quý 1 năm 2022 của Ban kiểm soát nội bộ.</p>
2	167/NQ-CPCL	23/03/2022	<p>Thông qua Báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD quý 1 và kế hoạch SXKD quý 2 năm 2022; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 1 và kế hoạch hoạt động quý 2 năm 2022 của Ban kiểm soát nội bộ; Thông qua việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định hồ sơ các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.</p>
3	168/NQ-CPCL	23/03/2022	<p>Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan đến ông Châu Tuấn là Công ty TNHH SXKD Bao bì Carton gấp nếp Vina Toyo.</p> <p>Giá trị mỗi hợp đồng và giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>Thời gian thực hiện ký kết các hợp đồng: trong năm 2022.</p>
4	169/NQ-CPCL	23/03/2022	<p>Thống nhất thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;</p>

			Thống nhất thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
5	234/NQ-CPCL	06/05/2022	Hội đồng quản trị nhất trí thông qua dự thảo các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, quyết định thông qua; Hội đồng quản trị nhất trí chấp thuận đề xuất với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhân sự HĐQT; Hội đồng quản trị nhất trí chấp thuận đề xuất với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhân sự Ban kiểm soát.
6	276/NQ-CPCL	26/05/2022	Thông qua phân công công việc các thành viên Hội đồng quản trị; Thống nhất thông qua ngày chốt danh sách cổ đông, thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2021; Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan của Ông Đỗ Ngọc Quang là Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng. Giá trị mỗi hợp đồng và giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Thời gian thực hiện ký kết các hợp đồng: trong năm 2022.
7	406/NQ-CPCL	13/06/2022	Thông qua việc chọn Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty.
8	467/NQ-CPCL	13/07/2022	Thông qua việc thành lập Tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành; Thông qua việc cử cán bộ đi công tác;
9	534/NQ-CPCL	09/08/2022	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả SXKD quý 2 và kế hoạch SXKD quý 3

			<p>năm 2022; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 2 và kế hoạch hoạt động quý 3 năm 2022 của Ban kiểm soát nội bộ; Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Thông qua chủ trương đầu tư Tài sản cố định của Công ty; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; Thông qua việc bổ nhiệm lại cán bộ; Thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ giai đoạn 2026-2031.</p>
10	681/NQ-CPCL	10/11/2022	<p>Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả SXKD quý 3 và kế hoạch SXKD quý 4 năm 2022; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 3 và kế hoạch hoạt động quý 4 năm 2022 của Ban kiểm soát nội bộ; Hội đồng quản trị ghi nhận thông tin từ Công ty trình HĐQT phê duyệt chủ trương cho bổ sung 01 Phó Giám đốc kinh doanh; Thông qua chủ trương đầu tư Tài sản cố định của Công ty; Thông qua việc thanh lý Tài sản cố định đã qua sử dụng của Công ty.</p>
11	682/NQ-CPCL	10/11/2022	<p>Thông qua việc bổ nhiệm lại đối với ông Liêu Phước Tính, Kế toán trưởng Công ty. Thời hạn bổ nhiệm 5 năm, kể từ ngày 01/01/2023.</p>
12	785/NQ-CPCL	28/12/2022	<p>Thông qua Báo cáo tình hình ước thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022; Thông qua kế hoạch SXKD quý 1 năm 2023; Phê duyệt dự toán ngân sách Công ty năm 2023; Thông qua chính sách chiết khấu thanh toán năm 2023; Thông qua chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Công ty.</p>
13	786/NQ-CPCL	28/12/2022	<p>Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam –</p>

			CN Hồ Chí Minh.
14	787/NQ-CPCL	28/12/2022	Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan của Ông Đỗ Ngọc Quang là Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng. Giá trị mỗi hợp đồng và giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Thời gian thực hiện ký kết các hợp đồng: trong năm 2023.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập phụ trách Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Thành viên HĐQT độc lập đã chỉ đạo, giám sát và tư vấn cho HĐQT để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và tham gia các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết các nội dung Nghị quyết của HĐQT một cách độc lập, khách quan.

e. Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quy định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và giám sát hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung chỉ đạo, giám sát và hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

- + Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- + Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;...

+ Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

+ Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với cổ đông gồm: công bố thông tin cho cổ đông, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, HĐQT còn chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc tuân thủ các quy định về chính sách pháp luật, bảo vệ môi trường; quan tâm đến đời sống, thu nhập, phúc lợi, môi trường làm việc của người lao động; khuyến khích, ủng hộ Công ty tài trợ kinh phí cho các hoạt động xã hội, cộng đồng.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Không.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Trần Thị Ánh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nữ 05/10/1977 Hà Nam Việt Nam Cử nhân Kinh tế. Trưởng Ban kiểm soát. Không. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
2. Đỗ Thu Hà + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty:	Nữ 07/10/1975 Hà Nội Việt Nam Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật. Ủy viên Ban kiểm soát.

+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Phó Ban Tài chính – Kế toán - Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 20/08/1984 Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam Cử nhân Kinh tế. Ủy viên Ban kiểm soát (bỏ nhiệm từ ngày 26/05/2022). Chuyên viên Ban Kiểm tra - Kiểm soát - Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
4. Ông Huỳnh Nam + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 07/05/1966 Hà Nội Việt Nam Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật. Ủy viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 26/05/2022) Phó Ban Tổ chức – Nhân sự - Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. 6.410 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26/05/2022 đã bầu Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam thay thế Ông Huỳnh Nam vào Ban kiểm soát Công ty.

Miễn nhiệm và bầu lại Bà Đỗ Thu Hà vào Ban kiểm soát Công ty.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát 2022:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước tại Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư, kiểm kê, chi phí, hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, công nợ...
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.
- Làm việc và lập báo cáo hàng quý, đồng thời có gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, báo cáo có phân tích so sánh và kiến nghị một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài chính và các công tác khác.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty theo thư mời.
- Tham dự các cuộc họp sản xuất trong tháng và các cuộc họp đột xuất khác của Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

Ban kiểm soát họp trong năm và thực hiện kiểm tra giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, cụ thể như sau:

- Ngày 27/01/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo hoạt động của Ban và Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.
- Ngày 23/03/2022; Ban kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- Ngày 28/04/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2022 của Công ty. Ban kiểm soát triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát, thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban.
- Ngày 06/05/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Ngày 26/05/2022; Ban kiểm soát họp kỳ 1/2022 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát quý 2 và quý 3 năm 2022.
- Ngày 20 và 21/07/2022; Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu, công cụ lao động, phụ tùng thay thế, tình hình công nợ, tiêu thụ sản phẩm, chi phí 6 tháng đầu năm 2022 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2022.
- Ngày 21/07/2022; Ban kiểm soát họp kỳ 2/2022 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng

quản trị và các khoản mục chi phí công nợ, thế chấp vay vốn Ngân hàng và soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022.

- Ngày 27/10/2022; Ban kiểm soát lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động xuất kinh doanh quý 3 năm 2022 của Công ty.

- Ngày 16 và 17/11/2022; Ban kiểm soát kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các hợp đồng mua bán, tình hình công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư, danh mục tài sản, các quy chế của Công ty và các khoản mục chi phí đến tháng 10 năm 2022.

- Ngày 17/11/2022; Ban kiểm soát họp kỳ 3/2022 nội dung xem xét các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, soát xét một số quy chế, quy định của Công ty và triển khai giám sát quý 4 năm 2022.

- Trưởng ban tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ.

- Ngoài các cuộc họp trên, Trưởng ban tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc và các lãnh đạo phòng ban về kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty... Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty thường xuyên trao đổi những thông tin qua điện thoại, email tới các thành viên trong Ban về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có Ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc.

- Thường xuyên phối hợp cùng với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các cổ đông trong cũng như ngoài Công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, dự kiến chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2022:

Đơn vị tính đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT	280.953.900	61.996.000	342.949.900
2	Nhâm Minh Thuận	Nguyên Chủ tịch HĐQT	5.571.800	44.282.000	49.853.800
3	Nguyễn Hoàng Minh	Ủy viên, Giám đốc	1.447.431.682	85.022.000	1.532.453.682
4	Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên	993.637.625	70.852.000	1.064.489.625
5	Lê Diễm Anh	Ủy viên	275.738.800	70.852.000	346.590.800
6	Đỗ Ngọc Quang	Ủy viên	132.677.700	0	132.677.700
7	Lê Thành Trung	Nguyên Ủy viên	97.542.800	70.852.000	168.394.800
	Tổng cộng		3.233.554.307	403.856.000	3.637.410.307

BAN KIỂM SOÁT					
Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Trần Thị Ánh	Trưởng BKS	919.686.142	28.341.000	948.027.142
2	Đỗ Thu Hà	Ủy viên	207.457.000	14.170.000	221.627.000
3	Nguyễn Bắc Tiến Nam	Ủy viên	98.278.200		98.278.200
4	Huỳnh Nam	Nguyên Ủy viên	47.785.200	37.788.000	85.573.200
5	Nguyễn Thế Long	Nguyên Ủy viên	0	5.313.600	5.313.600
	Tổng cộng		1.273.206.542	85.612.600	1.358.819.142
BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG					
Stt	Họ và tên	Chức Vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	980.266.702	0	980.266.702
3	Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	886.101.771	28.341.000	914.442.771
	Tổng cộng		1.866.368.473	28.341.000	1.894.709.473

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bà Cù Thị Kim Ngải	Người liên quan của Ông Cù Mạnh Đạt (Người phụ trách quản trị Công ty)	2.450	0,01%	2.754	0,01%	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Các giao dịch, hợp đồng mua bán giữa Công ty với các bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo tài chính của Công ty được đính kèm.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính**1. Ý kiến kiểm toán**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

- Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cát Lợi (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Châu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Châu Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022)
Ông Lê Thành Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ánh	Trưởng ban
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022)
Ông Huỳnh Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022)
Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính .

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám Đốc



Nguyễn Hoàng Minh

Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

2500
I NH
TY
M T
LOI
ET N
TP. H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cát Lợi (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Đức Tiến Mẫn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4748-2019-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.340.988.754.015	1.014.617.274.620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.018.704.684	61.971.518.986
1. Tiền	111		24.018.704.684	61.971.518.986
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		259.371.060.565	202.817.604.290
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	257.307.643.774	192.709.030.656
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.284.200.850	8.102.225.921
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		779.215.941	2.006.347.713
III. Hàng tồn kho (*)	140	6	1.026.571.466.827	742.317.282.214
1. Hàng tồn kho (*)	141		1.026.571.466.827	742.317.282.214
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.027.521.939	7.510.869.130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	11.986.125.255	7.510.869.130
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.041.396.684	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.124.259.324	44.025.194.693
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.510.230.000	1.500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.510.230.000	1.500.000.000
II. Tài sản cố định	220		37.665.053.405	31.853.321.925
1. Tài sản cố định hữu hình (*)	221	8	33.502.272.845	27.395.784.650
- Nguyên giá (*)	222		742.586.216.777	702.652.583.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(709.083.943.932)	(675.256.798.424)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	4.162.780.560	4.457.537.275
- Nguyên giá	228		18.817.074.299	18.416.674.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.654.293.739)	(13.959.137.024)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.785.185	254.753.782
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.785.185	254.753.782
IV. Tài sản dài hạn khác	260	7	4.938.190.734	10.417.118.986
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.938.190.734	10.417.118.986
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.385.113.013.339	1.058.642.469.313

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		543.472.403.975	277.872.776.520
I. Nợ ngắn hạn	310		542.966.408.893	277.366.781.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	207.098.187.639	111.294.014.239
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	18.894.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	313	11	9.624.527.024	13.766.417.166
4. Phải trả người lao động	314		37.331.365.536	26.061.033.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		294.633.750	132.953.719
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		67.387.843	344.253.193
7. Vay ngắn hạn	320	12	273.980.062.371	111.754.250.802
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.570.244.730	13.994.964.482
II. Nợ dài hạn	330		505.995.082	505.995.082
1. Phải trả dài hạn khác	337		505.995.082	505.995.082
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		841.640.609.364	780.769.692.793
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	841.640.609.364	780.769.692.793
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.075.830.000	262.075.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		289.096.966.329	259.463.164.801
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		225.620.413.035	194.383.297.992
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		85.170.056.516	78.391.312.242
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay (*)	421b		140.450.356.519	115.991.985.750
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.385.113.013.339	1.058.642.469.313

(*): Điều chỉnh hồi tố số đầu năm căn cứ theo Thông báo kết quả Kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước.



Nguyễn Đức Huy
 Người lập



Liêu Phước Tính
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	2.304.869.186.924	2.142.096.427.823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.304.869.186.924	2.142.096.427.823
4. Giá vốn hàng bán (*)	11	16	1.989.917.569.384	1.848.532.312.134
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		314.951.617.540	293.564.115.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	8.605.163.599	7.181.125.250
7. Chi phí tài chính	22	19	39.063.592.393	20.206.909.327
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.851.964.653	1.894.918.649
8. Chi phí bán hàng	25	20	31.695.752.718	27.059.013.149
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	78.098.236.348	76.074.878.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		174.699.199.680	177.404.439.543
11. Thu nhập khác	31	21	1.378.657.128	771.366.002
12. Chi phí khác	32		137.269.572	6.461.710
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.241.387.556	764.904.292
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) (*)	50		175.940.587.236	178.169.343.835
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	51	22	35.490.230.717	35.969.775.085
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		140.450.356.519	142.199.568.750
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	23	4.823	4.889
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	23	4.823	4.889

(*): Điều chỉnh hồi tố số năm trước căn cứ theo Thông báo kết quả Kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước.



Nguyễn Đức Huy
 Người lập



Liêu Phước Tính
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước	
		Năm nay	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế (*)	01	175.940.587.236	178.169.343.835
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	34.522.302.223	32.287.031.051
Các khoản dự phòng	03	-	(4.556.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.383.690.200)	107.150.928
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(157.672.852)	(1.096.490.323)
Chi phí lãi vay	06	7.851.964.653	1.894.918.649
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	215.773.491.060	206.805.954.140
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(75.605.082.959)	(30.940.704.259)
Tăng, giảm hàng tồn kho (*)	10	(284.254.184.613)	(142.750.255.906)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	105.623.175.503	2.584.868.411
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.003.672.127	(3.051.530.566)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.690.284.622)	(1.800.694.005)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.105.707.924)	(34.432.108.272)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.500.000	2.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.487.702.200)	(9.848.263.507)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(94.740.123.628)	(13.430.233.964)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (*)	21	(40.090.065.106)	(5.259.661.300)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	362.127.818
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	26	-	13.400.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	157.672.852	734.362.505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.932.392.254)	9.236.829.023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	850.188.462.320	336.982.483.787
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(687.962.650.751)	(248.013.013.510)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(65.518.957.500)	(78.622.749.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	96.706.854.069	10.346.721.277



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(37.965.661.813)	6.153.316.336
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	61.971.518.986	55.820.130.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.847.511	(1.927.488)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	24.018.704.684	61.971.518.986

(*): Điều chỉnh hồi tố số năm trước căn cứ theo Thông báo kết quả Kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước.



Nguyễn Đức Huy
Người lập



Liều Phước Tính
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh
Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2021 (đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2004) với mã số doanh nghiệp là 0303185504.

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 321 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 312 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Hoạt động chính của Công ty là in trên bao bì; sản xuất đầu lọc thuốc lá, mua bán vật tư phục vụ công nghiệp; môi giới thương mại; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá; cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và đã được trình bày lại như đã nêu tại Thuyết minh số 28.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	2,5 - 18
Phương tiện vận tải	3 - 11
Thiết bị quản lý	1,5 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình khấu hao theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Phần mềm máy tính	02
Quyền sử dụng đất	32

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí đã được trả trước. Những khoản chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với nợ thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam (“Chủ sở hữu”), các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	686.209.000	354.989.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.332.495.684	61.616.529.486
	24.018.704.684	61.971.518.986

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công Ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - một thành viên công ty TNHH	5.901.502.087	7.125.083.570
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên – Nhà máy Khánh Hội	3.130.755.192	8.207.261.161
Tổng Công ty Khánh Việt	1.273.149.317	738.994.476
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hoà - Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt	13.454.169.391	6.316.313.498
Các khoản phải thu khách hàng khác	453.267.144	759.185.385
	24.212.843.131	23.146.838.090
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	233.094.800.643	169.562.192.566
	257.307.643.774	192.709.030.656

Tất cả các khoản phải thu trên đều có khả năng thu hồi khi đến hạn.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Hàng mua đang đi đường	37.370.483.198	53.768.422.990
Nguyên liệu, vật liệu	903.885.942.180	613.945.026.702
Công cụ, dụng cụ	10.517.273	2.087.500
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.296.050	16.144.882
Thành phẩm	85.237.228.126	74.585.600.140
	<u>1.026.571.466.827</u>	<u>742.317.282.214</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản dự phòng hàng tồn kho nào cần được trích lập.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.088.063.836	6.337.195.570
Khác	1.898.061.419	1.173.673.560
	<u>11.986.125.255</u>	<u>7.510.869.130</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.323.395.848	10.347.738.196
Khác	614.794.886	69.380.790
	<u>4.938.190.734</u>	<u>10.417.118.986</u>



8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	31.860.297.971	649.282.548.525	14.950.831.059	6.558.905.519	702.652.583.074
Tăng trong năm	728.333.599	39.205.300.104	-	-	39.933.633.703
Số dư cuối năm	32.588.631.570	688.487.848.629	14.950.831.059	6.558.905.519	742.586.216.777
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	30.022.290.105	625.896.866.632	12.791.186.470	6.546.455.217	675.256.798.424
Khấu hao trong năm	474.103.565	32.512.964.277	827.627.364	12.450.302	33.827.145.508
Số dư cuối năm	30.496.393.670	658.409.830.909	13.618.813.834	6.558.905.519	709.083.943.932
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	1.838.007.866	23.385.681.893	2.159.644.589	12.450.302	27.395.784.650
Tại ngày cuối năm	2.092.237.900	30.078.017.720	1.332.017.225	-	33.502.272.845

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 818.574.577 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.017.254.230 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 690.822.174.594 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 591.243.112.388 đồng).

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	15.502.607.589	2.914.066.710	18.416.674.299
Tăng trong năm	-	400.400.000	400.400.000
Số dư cuối năm	15.502.607.589	3.314.466.710	18.817.074.299
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	11.242.570.314	2.716.566.710	13.959.137.024
Khấu hao trong năm	350.140.050	345.016.665	695.156.715
Số dư cuối năm	11.592.710.364	3.061.583.375	14.654.293.739
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	4.260.037.275	197.500.000	4.457.537.275
Tại ngày cuối năm	3.909.897.225	252.883.335	4.162.780.560

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.909.897.225 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.260.037.275 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.626.066.710 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.521.066.710 đồng).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Dr.Franz Feurstein GmbH	43.674.957.979	1.821.657.763
Công ty TNHH Bao Bì giấy nhôm New Toyo	24.366.458.831	7.935.476.188
Nomura Trading Co., Ltd	18.312.094.067	19.299.760.788
Khác	43.447.905.104	66.183.755.183
	129.801.415.981	95.240.649.922
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	77.296.771.658	16.053.364.317
	207.098.187.639	111.294.014.239

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.966.226.278	-	2.966.226.278	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	91.733.548.716	91.733.548.716	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.920.765.322	35.490.230.717	36.105.707.924	9.305.288.115
Thuế xuất, nhập khẩu	-	26.257.909.727	26.257.909.727	-
Thuế thu nhập cá nhân	879.425.566	7.568.867.062	8.129.053.719	319.238.909
Thuế nhà thầu	-	992.435.533	992.435.533	-
Thuế nhà đất	-	62.269.223	62.269.223	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	600	600	-
	13.766.417.166	162.108.261.578	166.250.151.720	9.624.527.024

12. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	VND Giá trị	VND Tăng	VND Giảm	VND Giá trị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh HCM (i)	75.733.898.607	642.325.913.328	459.199.042.771	258.860.769.164
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (ii)	-	65.563.584.443	50.444.291.236	15.119.293.207
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh HCM (iii)	36.020.352.195	142.298.964.549	178.319.316.744	-
	111.754.250.802	850.188.462.320	687.962.650.751	273.980.062.371

- (i) Khoản vay từ hợp đồng cấp tín dụng số 0016/2228/N-CTD/01 ký ngày 07 tháng 02 năm 2022 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 600 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn cho vay tối đa không quá sáu (06) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại ngân hàng.
- (ii) Khoản vay từ hợp đồng cấp tín dụng số BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925 ký ngày 14 tháng 10 năm 2013, được gia hạn bởi phụ lục BC_HĐTD/CATLOI_01/20130925_PL2022 ký ngày 14 tháng 10 năm 2022 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 63 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của phụ lục hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn cho vay tối đa không quá sáu (06) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ.
- (iii) Khoản vay từ thư tín dụng số STVN92-19 ký ngày 29 tháng 5 năm 2019 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 5.000.000 Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn sau 12 tháng trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng bị Ngân hàng hủy bỏ. Thời hạn cho vay tối đa không quá sáu (06) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu tại ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản vay khi đến hạn.



13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	262.075.830.000	64.847.400.000	222.583.902.726	181.131.297.103	730.638.429.829
Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	142.199.568.750	142.199.568.750
Phân phối lợi nhuận năm 2020					
- Trích quỹ đầu tư phát triển			36.879.262.075	(36.879.262.075)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.894.756.786)	(12.894.756.786)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(550.800.000)	(550.800.000)
- Chia cổ tức còn lại năm 2020 (20%)	-	-	-	(52.415.166.000)	(52.415.166.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2021					
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (10%)	-	-	-	(26.207.583.000)	(26.207.583.000)
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	262.075.830.000	64.847.400.000	259.463.164.801	194.383.297.992	780.769.692.793
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	140.450.356.519	140.450.356.519
Phân phối lợi nhuận năm 2021 (i)					
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	29.633.801.528	(29.633.801.528)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.542.082.448)	(13.542.082.448)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(518.400.000)	(518.400.000)
- Chia cổ tức còn lại năm 2021 (25%)	-	-	-	(65.518.957.500)	(65.518.957.500)
Số dư cuối năm nay	262.075.830.000	64.847.400.000	289.096.966.329	225.620.413.035	841.640.609.364

(i) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 số 272/NQ-CPCL ngày 26 tháng 5 năm 2022.



13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
Cổ phiếu phổ thông	26.207.583	26.207.583
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
Cổ phiếu phổ thông	26.207.583	26.207.583

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	133.660.800.000	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	16.725.400.000	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	10.676.080.000	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Cổ đông khác	101.013.550.000	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
	262.075.830.000	100%	262.075.830.000	262.075.830.000

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Menthol tinh thể (kg)	1.555,00	875,01
Tương đương giá trị ("VND")	1.817.572.651	1.017.331.873

b. Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	34.494,08	2.066,66
Đồng Euro ("EUR")	10.586,02	2.876,23
Bảng Anh ("GBP")	106,55	113,15
Yên Nhật Bản ("JPY")	23.441,00	24.893,00

15. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	2.281.733.543.953	2.118.562.581.292
Doanh thu bán vật tư, hàng hoá	3.194.154.879	6.172.968.500
Doanh thu gia công, chế biến	840.085.740	3.440.313.680
Doanh thu phế liệu thu hồi	17.866.410.573	12.820.736.219
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.234.991.779	1.099.828.132
	2.304.869.186.924	2.142.096.427.823
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	2.045.356.589.555	1.930.020.790.074

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.967.680.600.623	1.827.320.601.094
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	2.974.063.821	5.772.260.879
Giá vốn của gia công, chế biến	621.498.118	1.978.881.340
Giá vốn của phế liệu thu hồi	17.866.410.573	12.820.736.219
Giá vốn của dịch vụ khác	774.996.249	639.832.602
	1.989.917.569.384	1.848.532.312.134

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.807.878.605.978	1.670.958.811.476
Chi phí nhân công	132.936.271.430	138.986.190.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.522.302.223	32.287.031.051
Chi phí dự phòng bảo trì, bảo dưỡng	7.858.635.261	3.550.869.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.068.302.822	53.450.843.205
Chi phí khác bằng tiền	45.050.264.050	48.598.149.632
	2.085.314.381.764	1.947.831.894.998

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	157.672.852	387.502.505
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	6.063.800.547	6.446.762.745
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.383.690.200	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	346.860.000
	8.605.163.599	7.181.125.250

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	7.851.964.653	1.894.918.649
Chiết khấu thanh toán (Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long và Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn)	21.200.311.990	21.307.238.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	10.011.315.750	1.453.601.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	107.150.928
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(4.556.000.000)
	39.063.592.393	20.206.909.327

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	55.500.724.841	54.854.158.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.264.132.233	888.218.999
Chi phí mua, thuê ngoài	4.749.060.258	4.622.939.632
Khác	16.584.319.016	15.709.561.937
	78.098.236.348	76.074.878.920
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu bao bì	59.895.726	33.103.853
Quảng cáo, thị trường	897.528.754	535.262.379
Cước vận chuyển, bốc xếp	30.519.606.839	26.267.759.589
Khác	218.721.399	222.887.328
	31.695.752.718	27.059.013.149

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	362.127.818
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	1.217.664.000	79.545.455
Thu nhập khác	160.993.128	329.692.729
	1.378.657.128	771.366.002

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	175.940.587.236	178.169.343.835
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.510.566.351	1.679.531.586
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	177.451.153.587	179.848.875.421
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	177.451.153.587	179.848.875.421
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	35.490.230.717	35.969.775.085

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

23. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	140.450.356.519	142.199.568.750
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	14.045.035.652	14.060.482.448
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.207.583	26.207.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.823	4.889
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	4.823	4.889

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 272/NQ-CPCL ngày 26 tháng 5 năm 2022.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 272/NQ-CPCL ngày 26 tháng 5 năm 2022.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngoài ra lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Năm trước (Số liệu đã báo cáo)	Số điều chỉnh	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm (VND)	135.420.824.476	6.778.744.274	142.199.568.750
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	13.542.082.448	518.400.000	14.060.482.448
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	121.878.742.028	6.260.344.274	128.139.086.302
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.207.583	-	26.207.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.651	238	4.889

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	53.069.559.161	55.869.759.058
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	90.285.162.103	72.354.350.209
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	61.732.927.041	36.883.383.580
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	24.602.718.844	18.447.155.581
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	55.851.775.816	58.544.917.585
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	55.902.211.650	56.652.984.365
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	45.432.690.701	43.189.960.467
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	1.039.647.107.206	1.013.495.678.597
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	47.913.251.765	42.023.094.473
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	457.210.358.250	433.031.894.727
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	192.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	3.896.106.185	1.917.470.300
Công ty Thương mại Miền Nam	76.092.017	79.575.570
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	60.287.481.783	58.796.317.912
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	1.380.235.740	1.741.315.680
Công ty TNHH Liên Doanh VINA-BAT	47.876.911.293	36.920.931.970
	2.045.356.589.555	1.930.020.790.074
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	41.070.000	29.085.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	-	622.310.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	477.305.160	468.158.400
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	608.020.000	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	482.360.080	352.830.220
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	741.632.832	539.486.383
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	571.175.756.865	395.320.399.641
Công ty Thương mại Miền Nam	30.037.246.759	25.933.823.006
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	62.443.451.860	53.279.964.650
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	14.283.610	-
	666.021.127.166	476.546.057.300
Thu nhập khác từ bên liên quan		
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	138.993.128	199.229.329
	138.993.128	199.229.329
Cổ tức trả trong năm		
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	33.415.200.000	40.098.240.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	4.181.350.000	5.017.620.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	2.669.020.000	3.202.824.000
Cổ đông khác	25.253.387.500	30.304.065.000
	65.518.957.500	78.622.749.000

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã có các số dư sau với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	11.188.821.581	6.108.112.972
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	17.135.406.472	8.599.137.514
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	15.002.138.592	4.425.336.886
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	3.318.325.111	4.028.633.401
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	12.379.502.833	13.997.033.782
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	11.075.379.505	7.289.423.404
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	94.056.252.518	64.280.139.298
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	7.043.801.703	1.791.686.173
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	48.516.112.167	49.501.028.725
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	594.283.392	70.887.300
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	2.921.341.383	1.983.626.865
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	5.149.709.320	6.625.564.710
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	127.600.581	329.583.189
Công ty TNHH Liên Doanh VINA-BAT	4.586.125.485	531.998.347
	233.094.800.643	169.562.192.566

Các khoản phải trả		
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	70.376.182.079	10.539.877.400
Công ty Thương mại Miền Nam	2.999.871.229	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	400.876.947	430.963.669
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	3.519.841.403	5.082.523.248
	77.296.771.658	16.053.364.317

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Hà Quang Hòa Nguyên Chủ tịch	-	126.370.111
Nhâm Minh Thuận Nguyên Chủ tịch	55.393.111	101.668.555
Châu Tuấn Chủ tịch	361.055.444	145.755.666
Trịnh Xuân Quang Nguyên Ủy viên	-	33.897.111
Huỳnh Nam Nguyên Ủy viên	-	104.697.777
Lê Thành Trung Nguyên Ủy viên	187.105.333	367.542.110
Đỗ Ngọc Quang Ủy viên	147.419.667	-
Lê Diễm Anh Ủy viên	365.100.889	324.576.555
Bùi Tấn Hòa Nguyên Ủy viên, Nguyên Giám đốc	-	44.898.556
Nguyễn Hoàng Minh Ủy viên, Giám đốc	2.058.100.425	2.128.396.000
Võ Đình Văn Phó Giám đốc	1.146.469.200	1.033.624.000
Nguyễn Đức Hanh Ủy viên	1.420.838.674	1.508.010.000
	5.741.482.743	5.919.436.441
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng		
Trần Thị Ánh Trưởng ban	1.132.788.657	1.033.704.000
Huỳnh Nam Nguyên Ủy viên	95.081.333	225.239.000
Nguyễn Thế Long Nguyên Ủy viên	5.904.000	106.945.111
Nguyễn Bắc Tiến Nam Ủy viên	109.198.000	-
Đỗ Thu Hà Ủy viên	246.252.222	246.996.222
Liêu Phước Tính Kế toán trưởng	1.063.849.291	1.088.992.000
	2.653.073.503	2.701.876.333

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- 1 - Bộ phận sản xuất cây đầu lọc;
- 2 - Bộ phận in nhãn nút;
- 3 - Bộ phận sản xuất giấy sếp và lưởi gà;
- 4 - Bộ phận sản xuất các sản phẩm khác.

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.



25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

NĂM NAY

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhũn tút VND	Giấy sáp và lưới gà VND	Khác VND	Tổng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.301.119.608.047	683.842.040.114	296.771.895.792	23.135.642.971	2.304.869.186.924
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	1.203.575.490.729	663.542.715.440	240.770.320.706	21.040.072.813	2.128.928.599.688
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	97.544.117.318	20.299.324.674	56.001.575.086	2.095.570.158	175.940.587.236
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	37.310.766.629	194.000.000	1.700.533.475	1.128.733.599	40.334.033.703
5. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.385.113.013.339
Tổng Tài sản	-	-	-	-	1.385.113.013.339
6. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	543.472.403.975
Tổng Nợ phải trả	-	-	-	-	543.472.403.975

NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc VND	In nhũn tút VND	Giấy sáp và lưới gà VND	Khác VND	Tổng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.156.521.436.740	691.738.030.858	270.303.113.694	23.533.846.531	2.142.096.427.823
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	1.055.307.652.100	658.706.032.238	229.394.901.296	20.518.498.354	1.963.927.083.988
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101.213.784.640	33.031.998.620	40.908.212.398	3.015.348.177	178.169.343.835
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	698.221.791	-	902.000.000	3.591.635.727	5.191.857.518
5. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.058.642.469.313
Tổng Tài sản	-	-	-	-	1.058.642.469.313
6. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	277.872.776.520
Tổng Nợ phải trả	-	-	-	-	277.872.776.520

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	24.018.704.684	61.971.518.986	24.018.704.684	61.971.518.986
Phải thu khách hàng	257.307.643.774	192.709.030.656	257.307.643.774	192.709.030.656
Phải thu khác	1.846.930.000	2.042.061.392	1.846.930.000	2.042.061.392
	283.173.278.458	256.722.611.034	283.173.278.458	256.722.611.034

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	273.980.062.371	111.754.250.802	273.980.062.371	111.754.250.802
Phải trả người bán	207.098.187.639	111.294.014.239	207.098.187.639	111.294.014.239
Phải trả khác	505.995.082	805.995.082	505.995.082	805.995.082
Chi phí phải trả	294.633.750	132.953.719	294.633.750	132.953.719
	481.878.878.842	223.987.213.842	481.878.878.842	223.987.213.842

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro này được Công ty đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	807.510.853	46.799.172	75.274.785.145	53.218.887.261
Euro ("EUR")	261.670.112	73.031.248	2.329.649.385	119.651.477
Bảng Anh ("GBP")	2.976.812	3.423.736	-	-
Yên Nhật Bản ("JPY")	4.093.971	4.827.997	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá.

Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/(giảm) một khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	1.505.495.703	1.064.377.745

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

500-
NHÀ
TY
A TC
OIT
T N
HỒ

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Giá trị các khoản phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 257.307.643.774 đồng. Trong đó giá trị phải thu khách hàng quá hạn tuy nhiên không suy giảm giá trị theo đánh giá của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chi tiết như sau:

Quá hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 đến 30 ngày	28.622.931.197	9.044.581.413
Từ 31 đến 60 ngày	11.132.323.655	-
Cộng	39.755.254.852	9.044.581.413

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền	24.018.704.684	-	24.018.704.684
Phải thu khách hàng	257.307.643.774	-	257.307.643.774
Phải thu khác	336.700.000	1.510.230.000	1.846.930.000
	281.663.048.458	1.510.230.000	283.173.278.458
Số cuối năm			
Các khoản vay	273.980.062.371	-	273.980.062.371
Phải trả người bán	207.098.187.639	-	207.098.187.639
Phải trả khác	-	505.995.082	505.995.082
Chi phí phải trả	294.633.750	-	294.633.750
	481.372.883.760	505.995.082	481.878.878.842



26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số đầu năm			
Tiền	61.971.518.986	-	61.971.518.986
Phải thu khách hàng	192.709.030.656	-	192.709.030.656
Phải thu khác	542.061.392	1.500.000.000	2.042.061.392
	255.222.611.034	1.500.000.000	256.722.611.034
Số đầu năm			
Các khoản vay	111.754.250.802	-	111.754.250.802
Phải trả người bán	111.294.014.239	-	111.294.014.239
Phải trả khác	300.000.000	505.995.082	805.995.082
Chi phí phải trả	132.953.719	-	132.953.719
	223.481.218.760	505.995.082	223.987.213.842

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Những khoản cam kết:

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê kho không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	4.761.000.000	3.852.073.360
Trên 1 năm đến 5 năm	-	3.726.000.000
	4.761.000.000	7.578.073.360

Những khoản nợ tiềm tàng và những thông tin tài chính khác: không phát sinh.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:

Theo Nghị quyết số 49/NQ-CPCL ngày 30 tháng 1 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cát Lợi, theo đó đã thông qua:

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng giữ chức vụ Phó Giám đốc kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2023;
- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền theo tỷ lệ 15%/vốn điều lệ theo danh sách cổ đông chốt ngày 24 tháng 2 năm 2023, thời hạn thanh toán ngày 16 tháng 3 năm 2023.

Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong ít nhất 12 tháng tiếp theo.



28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ Thông báo kết quả Kiểm toán số 1104/TB-KTNN ngày 26/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố các số liệu liên quan nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số điều chỉnh	Số đầu năm
		(Số liệu đã trình bày)		(Trình bày lại)
		VND	VND	VND
Hàng tồn kho (1)	141	734.664.605.507	7.652.676.707	742.317.282.214
Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình (2)	222	701.831.829.438	820.753.636	702.652.583.074
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3)	313	12.071.731.097	1.694.686.069	13.766.417.166
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay (4)	421b	109.213.241.476	6.778.744.274	115.991.985.750

Ghi chú:

(1): Hàng tồn kho tăng do xác định lại giá thành sản xuất (điều chỉnh hoàn nhập khoản chi phí trích trước dự phòng sửa chữa) là 7.652.676.707 đồng.

(2): Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng từ chi phí sửa chữa trong năm là 820.753.636 đồng.

(3): Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng do chi phí thay đổi (tăng lợi nhuận, tăng thuế thu nhập doanh nghiệp) là 1.694.686.069 đồng.

(4): Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng do kết quả kiểm toán thay đổi là 6.778.744.274 đồng.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Số điều chỉnh	Năm trước
		(Số liệu đã trình bày)		(Trình bày lại)
		VND	VND	VND
Giá vốn hàng bán (5)	11	1.857.005.742.477	(8.473.430.343)	1.848.532.312.134
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	169.695.913.492	8.473.430.343	178.169.343.835
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34.275.089.016	1.694.686.069	35.969.775.085
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	135.420.824.476	6.778.744.274	142.199.568.750
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.651	238	4.889
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.651	238	4.889

Ghi chú:

(5): Giá vốn hàng bán giảm theo khoản điều chỉnh số (1) và (2) là 8.473.430.343 đồng.



28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (Tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Số điều chỉnh	Năm trước
		(Số liệu đã trình bày) VND	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	01	169.695.913.492	8.473.430.343	178.169.343.835
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(135.097.579.199)	(7.652.676.707)	(142.750.255.906)
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.438.907.664)	(820.753.636)	(5.259.661.300)

Ghi chú:

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được điều chỉnh nên các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh lại tương ứng.

29. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và đã được trình bày lại như đã nêu tại Thuyết minh số 28.

Nguyễn Đức Huy
Người lập

Liêu Phước Tính
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Minh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

